TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT.
Ngày 27/11/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Ông Đặng Văn Quyết.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G***: Ông H1g Đức Trình- Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số:16/2019/TLPT-KDTM ngày 08/10/2019 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM- ST,ngày 20-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Lục N có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐ-PT ngày 23/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ- PT ngày 06/11/2019. Giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng NN và PTNTVN.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thanh H, phó Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lục N Bắc Giang II- Phòng giao dịch thị trấn Lục N, tỉnh Bắc G; địa chỉ: phố Bình Minh, thị Trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh Bắc G. (có mặt).

* **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn D, S 1974. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Chàng 1, thị trấn Lục N, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Chị Trần Thị H, S năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Chàng 1, thị trấn Lục N, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

2. Bà Nguyễn Thị C, S năm 1940. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Chàng 1, thị trấn Lục N, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

3. Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lục N, tỉnh Bắc G, do ông Nguyễn Duy T, Chi cục trưởng Chi Cục thi hành án dân sự huyện Lục N, tỉnh Bắc G. (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Đức L, S 1963. (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Văn S, S 1965. (vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Văn Th, S 1968. (vắng mặt)

7. Chịị Nguyễn Thị T, S 1980. (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Khu Vườn Hoa, thị trấn Lục N, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

** Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị C - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày* 22/3/2019 *cùng các lời khai và quá trình xét xử nguyên đơn Ngân hàng NN và PTNTVN trình bầy:* Ngân hàng NN và PTNTVN có cho vợ chồng anh D, chị H1 vay tiền theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2510-LAV-201701616/HĐTD ngày 06/02/2017, mục đích sử dụng tiền vay là để kinh doanh, số tiền vay 1.500.000.000 đồng; lãi suất, thời hạn vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Sau khi ký hợp đồng tín dụng hạn mức trên, ngày 25/4/2017 Ngân hàng giải ngân cho vay 500.000.000 đồng, ngày 26/4/2017 giải ngân cho vay 500.000.000 đồng và ngày 27/4/2017 giải ngân cho vay 500.000.000 đồng, các lần vay đều lãi suất 9,5%, lãi quá hạn là 14,25%, thời hạn vay 08 tháng. Khi khởi kiện thì anh D chị H1 trả nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/01/2019 là 122.576.390 đồng, tổng là 1.622.576.390 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết Thi hành án dân sự huyện Lục N và Ngân hàng có bán tài sản thế chấp, thu nợ được trừ vào khoản nhận vay ngày 25/4/2017, nay khoản nợ này còn 278.725.625 đồng nợ gốc. Tính đến ngày 20/8/2019 nợ gốc là 1.278.725.625 đồng, tiền lãi là 235.809.257 đồng, tổng gốc và lãi là 1.514.534.882 đồng và yêu cầu trả lãi tiếp theo trên nợ gốc, theo mức lãi quá hạn đã ký trong các giấy nhận nợ. Không đồng ý miễn tiền lãi và xin trả dần nợ gốc theo anh D yêu cầu.

Tài sản thế chấp: Khi ký hợp đồng tín dụng vay anh D và chị H1 có thế chấp cho ngân hàng tại hợp đồng thế chấp số 26/02/2013 TTLN ngày 27/02/2013. Tài sản thế chấp 72 m^2 đất ở, tài sản gắn liền với đất có nhà cấp 3, 04 tầng, tại thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 554011 hộ ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H cấp ngày 12/12/2007, địa chỉ: Chàng I, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang và thửa số 143, tờ bản đồ số 7 diện tích 46,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 074727cấp ngày 25/03/2003, hộ ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: Khu vườn Hoa, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang. Ngày 05/9/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N đã thi hành bản án số 12 ngày 05/9/2016 và sửa đổi bổ sung số 09 ngày 07/10/2016 của TAND huyện Lục N về

việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh D, chị H1 và bà Nguyễn Thị Hạnh thì anh D, chị H1 phải trả chị Hạnh số tiền thi hành án. Cơ quan thi hành án đã cưỡng chế tài sản để đảm bảo thi hành án, các tài sản có liên quan là thửa đất số 68 tờ bản đồ số QHPL, diện tích 72 m^2 cùng tài sản trên đất và thửa số 143, tờ bản đồ số 7 diện tích 46,6m^2. Tài sản 46,6 m^2 đất đã bán được số tiền 221.274.375 đồng. Thi hành án đã chuyển số tiền bán 46,6m^2 vào tài khoản của ngân hàng và thu hồi sổ bìa đỏ. Nay xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp là diện tích đất 46,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W074727, hộ ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: Khu vườn Hoa, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang, cấp ngày 25/03/2003 vì đã bán để thu hồi nợ.

Nay ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H không trả được nợ, đề nghị phát mại tài sản thế chấp còn lại là 72 m^2 đất ở, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bầy*: Năm 2013 anh và chị H1 có ký hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng nông nghiệp và Phát trển nông thôn chi nhánh Lục Nam số tiền là 1.500.000.000đồng lãi suất 1,2 % /tháng, thời hạn vay là 09 tháng, mục đích vay để kinh doanh lạc, đỗ và nông sản, năm 2017 thì đảo số và lại làm thủ tục vay lại số tiền gốc 1.500.000.000đồng, đã trả hết lãi đến tháng 8 năm 2018, chưa trả được gốc và số lãi phát S từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền dư nợ gốc là 1.500.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/01/2019 là 122.576.390 đồng và lãi phát S, anh đồng ý trả số nợ gốc và xin miễn lãi, đề nghị xin trả dần nợ gốc.

Khi ký hợp đồng tín dụng vay anh và chị H1 có thế chấp tài sản cho Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp số 26/02/2013 TTLN ngày 27/02/2013. Tài sản thế chấp gồm 72m^2 đất, thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 554011 mang tên hộ ông Nguyễn Văn D cấp ngày 12/12/2007. Trên đất có 01 nhà cấp 3, 04 tầng; địa chỉ: Chàng I, thị trấn Lục N, huyện Lục N, Bắc Giang và 46,6m^2đất, thửa số 143, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W074727, cấp ngày 25/03/2003, mang tên hộ ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Khu vườn Hoa, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang. Nay Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp anh không đồng ý phát mại vì cơ quan Thi hành án dân sự huyện Lục N đã bán tài sản là thửa đất 46,6m^2 và đang kê biên biên tài sản là thửa đất 72 m^2 .

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị H đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không gửi lời khai cho Tòa án và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C trình bầy:*Bà có chồng là ông Nguyễn Văn Bách, bà và ông Bách có 5 người con là anh Nguyễn Đức L, S 1963, anh Nguyễn Văn S, S 1965 , anh Nguyễn Văn Th, S 1968, anh Nguyễn Văn D S 1974, chịi Nguyễn Thị T, S 1980. Ông Bách chồng bà chết năm 2012. Anh Nguyễn

Văn D là con trai bà, còn chị Trần Thị H là con dâu bà.Việc vợ chồng anh D, chị H1 thế chấp đất cho Ngân hàng 02 thửa đất là thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, diện tích 72 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 554011 hộ anh Nguyễn Văn D, cấp ngày 12/12/2007, trên đất có 01 nhà cấp 3, 04 tầng; địa chỉ: Chàng I, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang và thửa 143, tờ bản đồ số 7 diện tích 46,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 074727cấp ngày 25/03/2003, tên chủ hộ anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Khu vườn Hoa, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang, là đất của bà và ông Bách, chỉ cho anh D đứng tên và khi anh D chị H1 thế chấp bà không biết nên không đồng ý phát mại.

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Đức L, chịi Nguyễn Thị T đều thống nhất trình bầy:*Hai thửa đất là thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, diện tích 72 m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL554011 hộ anh Nguyễn Văn D, cấp ngày 12/12/2007, trên đất có 01 nhà cấp 3, 04 tầng địa chỉ: Chàng I, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang và thửa 143, tờ bản đồ số 7 diện tích 46,6m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W074727, hộ ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: Khu vườn Hoa, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang, cấp ngày 25/03/2003 đều là đất của bố mẹ các anh chị là ông Bách và bà C, không phải của anh D chị H1 nên không đồng ý phát mại.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ quan Thi hành án dân sự huyện Lục N trình bầy:* Tài sản thế chấp của anh D và chị H1 đối với ngân hàng nông nghiệp. Tại bản án số 12 ngày 05/9/2016 và sửa đổi bổ sung số 09 ngày 07/10/2016 của TAND huyện Lục N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh D, chị H1 và bà Nguyễn Thị Hạnh thì anh D, chị H1 phải trả chị Hạnh số tiền thi hành án cho các bên thỏa thuận với nhau về số tiền thi hành án nhưng các bên không thỏa thuận được, cơ quan thi hành án phải cưỡng chế tài sản để đảm bảo thi hành án, các tài sản có liên quan là thửa đất số 68 tờ bản đồ số QHPL, diện tích 72 m^2 cùng tài sản trên đất và thửa số 143, tờ bản đồ số 7 diện tích 46,6m^2. Tài sản 72 m^2 và tài sản trên đất người mua đã trúng đấu giá sau người trúng đấu giá đã hủy hợp đồng nhưng quyết định kê biên vẫn đang còn hiệu lực. Tài sản 46,6 m^2 đất đã bán được số tiền thu được đã gửi ngân hàng. Thi hành án đã chuyển số tiền bán 46,6m^2 vào tài khoản của ngân hàng và thu hồi sổ bìa đỏ. Thi hành án phải giao đất cho người bán đấu giá, đề nghị ngân hàng xem xét xử lý về số tiền ban mảnh đất 46,6m^2.

Với nội dung nêu trên, bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 20/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Lục N đã quyết định:

Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 và khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 108, Điều 109, Điều 342, Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, Điều 150, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 10, Điều 11 Nghị định

163/2006 NĐ-CP ngày 29/2/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Điều 4, Điều 17 Nghị quyết số 42/ 2017/NQQH14 ngày 21/6/2017 về xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng NN và PTNTVN 1.278.725.625đồng nợ gốc và 235.809.257 đồng tiền lãi, tổng là 1.514.534.882 đồng và phải trả lãi tiếp theo trên nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 14,25%/năm kể từ ngày 21/8/2019 đến khi trả hết nợ gốc.

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 26/02/2013 TTLN ngày 27/2/2013 giữa Ngân hàng NN và PTNTVN với anh Nguyễn Văn D chị Trần Thị H vô hiệu một phần. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H không trả hết nợ thì Ngân hàng NN và PTNTVN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp của hộ anh Nguyễn Văn D. Tài sản thế chấp được phát mại gồm 72 m^2 đất ở, tài sản gắn liền với đất có nhà cấp 3; 04 tầng, tại thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL554011 mang tên hộ ông Nguyễn Văn D cấp ngày 12/12/2007, địa chỉ: Chàng I, thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang, nhưng sau khi phát mại phải thanh toán lại cho bà C, anh L, anh S, anh Th và chị Tám đều do bà C đại diện 30% trị giá tài sản phát mại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 05/9/2019, bà Nguyễn Thị C kháng cáo và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: kháng cáo toàn bộ phần nội dung của bản án sơ thẩm liên quan đến bà C và gia đình. Lý do kháng cáo: Bà cho rằng Hợp đồng thế chấp số 26/02/2013 TTLN ngày 27/02/2013 là vô hiệu toàn bộ, bà là chủ sở hữu tài sản thế chấp nhưng không được biết việc thế chấp trên. Do vậy, không đồng ý phát mại đối với tài sản thế chấp trên. Đồng thời, không nhất trí nhận tài sản sau khi được phát mại là 30% mà Tòa án nhân dân huyện Lục N đã chia cho bà và các con trong gia đình.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng NN và PTNTVN, do bà Bùi Thanh H đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị trích chia cho bà 50% và đề nghị cho bà được mua lại tài sản thế chấp.

Ngân hàng NN và PTNTVN do bà Bùi Thanh H đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà C. Ngân hàng xuất trình thêm danh sách hộ

nghèo do Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Lục N cung cấp để chứng minh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 bà C đã không có tên trong số hộ khẩu của anh D nên toàn bộ tài sản thế chấp là tài sản của anh D, chị H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà C được miễn án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H, anh Nguyễn Đức L, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Th, chịị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị H1, anh L, anh S, anh Th, chị Tám.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C về việc đề nghị xem xét cho bà được hưởng 50% giá trị tài sản sau khi phát mại và ưu tiên cho bà được mua lại tài sản phát mại, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm trích cho cho bà C và các Th viên khác 30% giá trị tài sản sau khi phát mại tài sản thế chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót là không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung, chưa xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định quyền lợi của bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà đã quyết định trích chia 30% giá trị tài sản cho bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác sau khi phát mại là chưa có căn cứ vững chắc. Việc giải quyết là có lợi cho bà Nguyễn Thị C, anh S, anh L, anh Th và chị Tám. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn là Ngân hàng không kháng cáo về nội dung này mà đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đó có phần trích chia 30% giá trị tài sản thế chấp sau khi phát mại cho bà C, anh S, anh Th, chị Tám và anh L. Về những vi phạm thiếu sót trên, tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nhưng để

đảm bảo sự ổn định của bản án sơ thẩm, quyền lợi của phía nguyên đơn và các đương sự không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Về cách tuyên lãi suất chậm thi hành án: Tại phần quyết định của bản án tuyên "phải trả lãi tiếp theo trên nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 14,25%/năm kể từ ngày 21/8/2019 đến khi trả hết nợ gốc" là không theo đúng hướng dẫn của án lệ số 08 và ảnh hưởng đến sự thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới về việc bà được hưởng 50% giá trị tài sản theo yêu cầu của bà nên Tòa án không có căn cứ xem xét.

[2.2]. Căn cứ vào những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí kinh doanh thương mại theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317; Điều 318; Điều 319 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

2. Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng NN và PTNTVN 1.278.725.625 đồng nợ gốc và 235.809.257 đồng tiền lãi, tổng là 1.514.534.882 đồng (một tỷ năm trăm mười bốn triệu, năm trăm ba tư nghìn, tám trăm tám hai đồng).

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 26/02/2013 TTLN ngày 27/2/2013 giữa Ngân hàng NN và PTNTVN với anh Nguyễn Văn D, chị Trần Thị H vô hiệu một phần. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H không trả hết nợ thì Ngân hàng NN và PTNTVN được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp của hộ anh Nguyễn Văn D. Tài sản thế chấp được phát mại gồm 72m^2 đất ở, tài sản gắn liền với đất có nhà cấp 3; 04 tầng, tại thửa số 68 tờ bản đồ số QHPL, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL554011 mang tên hộ ông Nguyễn Văn D cấp ngày 12/12/2007, địa chỉ: Chàng I,

thị trấn Lục N, Lục Nam, Bắc Giang, nhưng sau khi phát mại phải thanh toán lại cho bà C, anh L, anh S, anh Th và chị Tám đều do bà C đại diện 30% trị giá tài sản phát mại.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh thoán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Lục N;
- VKSND huyện Lục N;
- Chi cục THADS huyện Lục N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền **Trần Thị Hà**